

Bản án số: 23/2018/DS-PT

Ngày: 28-12-2018

*V/v tranh chấp đất đai theo quy
định của pháp luật về đất đai; Bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Việt Thanh và ông Đinh Huy Lưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018, về việc Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2018/QĐPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Đ, xã Tr, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th - Luật sư, Công ty luật TNHH-MTV B, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 7/220, đường V, phường Th, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

2. *Bị đơn:* Ông Giang Văn Q, anh Giang Thế M.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Đ, xã Tr, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn Đ, xã Tr, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Giang Văn Tr, trú tại: Thôn Đ, xã Tr, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Giang Thanh M, trú tại: Số nhà 5, ngõ 455/114, đường H, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh Tr, chị M là ông Giang Văn

Q (văn bản ủy quyền ngày 14/01/2018, ngày 19/02/2018, ngày 06/3/2018).

- Ủy ban nhân dân huyện H, địa chỉ: Phố Th, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc H - Phó chủ tịch UBND huyện H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/3/2018).

4. *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 1987, vợ chồng ông Th và bà M được Nhà nước cấp 180m² đất ở. Gia đình đã xây dựng nhà ở, công trình phụ và tường bao phía sau công trình phụ. Năm 1998 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho vợ chồng ông và bà được quyền sử dụng 3.398m² gồm: 3.138m² đất nông nghiệp, 180m² đất ở và 80m² đất vườn; vị trí đất ở và đất vườn là thửa 64 tờ PL15 bản đồ xã Tr lập năm 1998, địa chỉ tại thôn Đ, xã Tr huyện H, tỉnh Ninh Bình. Năm 2008 UBND huyện H cấp đổi GCNQSDĐ số AC 596708, chứng nhận ông Th và bà M được quyền sử dụng diện tích 260m², gồm: 180m² đất ở, 80m² đất vườn. Tờ căn thửa đất hiện nay, phía Đông giáp đất nhà ông Đ, phía Tây giáp đất nhà anh M, phía Nam tiếp giáp lưu không đường 12C, phía Bắc giáp đất 313 của ông Q. Về vị trí, mốc giới thửa đất theo Quyết định số 774/QĐ-UB ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành về việc cắm mốc lộ giới, mốc giải tỏa giai đoạn I các tuyến đường bộ tỉnh Ninh Bình đo từ tìm đường ra hai bên, mỗi bên là 15,5m.

Khoảng tháng 10/2010, ông Giang Văn Q và con trai là Giang Thế M tự ý phá tường bao và lấn chiếm phần đất vườn phía sau của gia đình ông và bà. Ngày 05/3/2017 ông Q, anh M tự ý chặt 02 cây táo đã có quả và 01 cụm sắn dây khoảng 40 kg củ của gia đình ông và bà.

Hiện tại, thửa đất của ông Th, bà M có chiều dài 22,5m x 9,3m chiều rộng = 209,25m², diện tích đất bị thiếu 50,75m² là do gia đình ông Q lấn chiếm. Ông Th, bà M đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Q phải trả lại 50,75m² đất đã lấn chiếm (KT: Phía Đông 5m, phía Tây 5m, phía Nam 11,5m, phía Bắc giáp ruộng 9,3m) và bồi thường thiệt hại về việc đã phá tường bao, chặt phá cây cối với tổng số tiền là 11.500.000 đồng. Ngày 06/4/2018, ông Th, bà M sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Giang Văn Q phải trả lại 39 m² đất và buộc anh Giang Thế M phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản bị chặt, phá với tổng số tiền là 2.643.000 đồng (tường bao 2.317.345đ, 02 cây táo 126.000đ, 01 búng Sắn dây 200.000đ).

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Giang Văn Q, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh Tr, chị M trình bày: Năm 1993, gia đình ông (gồm ông Q, bà T, anh M, anh Tr, chị M) được HTX Minh Hoa, xã Tr giao cho mảnh ruộng để cấy lúa (đất 313), tại xứ đồng

Cửa Đông có diện tích 659m² cụ thể: phía Đông giáp ruộng nhà ông Đ dài 35m, phía Nam liền kề khu dân cư dài 31m, phía Tây giáp ruộng nhà ông L dài 41m, phía Bắc giáp ruộng ông Đ dài 31m (theo bản đồ địa chính xã Tr năm 1997). Phần ruộng phía giáp khu dân cư do nước sâu không cấy lúa được, gia đình ông Q cải tạo thành ao thả cá khoảng 200m². Năm 2000 gia đình ông Th xây dựng nhà ở trên đất được chia. Ông Th đã tự ý xác định lưu không đường là 12m và đổ đất đá, xây tường rào kiên cố. Năm 2010 con trai ông Q là anh M mua đất của gia đình ông Phạm Văn Y, đất liền kề với đất của ông Th. Anh M san lấp mặt bằng cao hơn so với vườn nhà ông Th, vì vậy phát sinh mâu thuẫn giữa hai gia đình. Năm 2013 gia đình ông Th phá tường bao cũ, xây tường bao mới lấn sang phần đất gia đình ông đã sử dụng 20 năm. Khi ông Th xây tường bao mới đã bị UBND xã Tr lập biên bản đình chỉ việc xây dựng (biên bản ngày 12/12/2013). Năm 2015 UBND xã Tr và các cơ quan chuyên môn của UBND huyện H đã công bố vị trí, mốc giới thửa đất của gia đình ông Th, bà M (có sơ đồ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất và lưu không 12C). Ngày 30/12/2010 đại diện UBND xã Tr đã tiến hành đo đạc lại diện tích đất 313 gia đình ông đang sử dụng có biên bản làm việc và vẽ sơ đồ phía Bắc dài 14,5m, phía Nam dài 29,1m, phía Đông dài 30,5m, phía Tây dài 41m. Ông Q khẳng định gia đình ông không lấn chiếm đất của ông Th, bà M; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, bà M buộc gia đình ông phải trả 39m² đất. Nay UBND huyện H xác định diện tích đất đang tranh chấp là đất thung đào không giao cho ai mà do UBND xã Tr quản lý, gia đình ông không tranh chấp với ông Th, bà M nữa; vì đất thuộc UBND xã Tr quản lý thì do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Giang Thế M trình bày: Năm 2010 anh M san lấp mặt bằng đất ruộng 313 của gia đình được chia năm 1993. Năm 2013 gia đình ông Th phá tường bao cũ, xây tường bao mới trên phần đất của gia đình anh đã sử dụng 20 năm. UBND xã Tr đã lập biên bản đình chỉ việc xây dựng của gia đình ông Th. Tại biên bản làm việc ngày 17/3/2015 UBND xã Tr và các phòng ban của huyện H đã tiến hành xác định chỉ giới, mốc giới lưu không đường 12C thực trạng sử dụng đất nhà ông Th. Năm 2016 UBND xã Tr công bố thi hành Quyết định 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND huyện H có hiệu lực pháp luật về giải quyết khiếu nại vị trí, mốc giới của gia đình ông Th. Sau khi các cơ quan ban ngành và UBND xã Tr công bố vị trí, mốc giới thửa đất của ông Th, bà M (phần diện tích đất đang tranh chấp nằm ngoài diện tích đất được cấp của gia đình ông Th). Vì vậy, anh M xác định gia đình ông Th đã xây tường bao, trồng cây cối trên phần đất của gia đình mình nên đã tự tháo dỡ tường bao và chặt hai cây táo, phá bứng sắn dây của gia đình ông Th. Anh Q khẳng định gia đình anh không lấn chiếm đất của ông Th, bà M nên không chấp nhận trả lại 39m² đất. Nay UBND huyện H xác định diện tích đất tranh chấp là loại đất thung đào thuộc UBND xã Tr quản lý, gia đình anh không tranh chấp với ông Th, bà M nữa. Việc giải quyết, xử lý phần đất trên thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý đất đai. Đối với yêu cầu

khởi kiện về bồi thường thiệt hại về tài sản, nếu gia đình ông Th rút đơn khởi kiện thì anh M nhất trí bồi thường toàn bộ, còn nếu không rút đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 04/4/2018 và các tài liệu gửi kèm theo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H xác định:

Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ PL15, bản đồ xã Tr lập năm 1998: Trước năm 1987, thửa đất nêu trên có vị trí là thửa 358, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Tr lập năm 1986, do UBND xã Tr giao trái thẩm quyền cho gia đình ông Dương Văn Th sử dụng. Đến năm 1987 ông Th được xử lý hợp pháp hóa quyền sử dụng đất diện tích 180m² (Hồ sơ quản lý đất đai không thể hiện việc đo, giao nhận đất giữa cơ quan quản lý với gia đình ông Th). Quá trình sử dụng đất ông Th đã tự ý san lấp đất thung đào do UBND xã Tr quản lý (phía sau thửa đất ông Th được giao). Năm 1997 khi đo đạc xây dựng hệ thống bản đồ địa chính, diện tích đất gia đình ông Th sử dụng là 260m², tăng 80m² so với diện tích được xử lý năm 1987; sau đó, UBND huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th, bà M được quyền sử dụng 3.398m² gồm: 3.138m² đất nông nghiệp, 180m² đất ở và 80m² đất vườn (80m² đất vườn chưa được xử lý hợp pháp hóa); vị trí đất ở, đất vườn là thửa 64 tờ PL 15 bản đồ xã Tr lập năm 1998. Năm 2008 UBND huyện H cấp đổi GCNQSDĐ số AC 596708 cho ông Th, bà M được quyền sử dụng diện tích 260m², trong đó 180m² đất ở, 80m² đất vườn.

Năm 2011, UBND huyện H đã giải quyết khiếu nại của ông Th về xác định ranh giới, mốc giới giữa lưu không đường 12C (nay là 38B). Tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H đã: Bác đơn của ông Th cho rằng mốc giới thổ cư của gia đình ông tiếp giáp lưu không đường 12C cách tim đường 15,5m. Vì đất của gia đình ông Th được cấp năm 1987, quy định về lưu không đường được áp dụng theo Nghị định 203/HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về ban hành điều lệ đường bộ. UBND huyện H đã có Công văn số 725/CV-UB Ngày 16/12/2015 về việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, yêu cầu UBND xã Trường Y công bố vị trí, mốc giới, diện tích đất ở theo hiện trạng của gia đình ông Th (có sơ đồ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất và lưu không đường 12C, QL38B). Ngày 27/9/2016 UBND xã Tr đã tổ chức thi hành công bố vị trí, mốc giới diện tích đất của gia đình ông Th theo mặt bằng hiện trạng, tính từ tim đường vào đến giáp đất ở hợp pháp của gia đình ông Th là 11,5m. Năm 2008 ông Th, bà M được UBND huyện H cấp đổi GCNQSDĐ, diện tích là 260 m², trong đó có 80m² là đất lấn chiếm. UBND huyện H tạm dừng việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ mang tên ông Th, bà M theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND huyện H là do thực hiện văn bản số 224/TTR-KTXH ngày 12/12/2011 của Thanh tra tỉnh Ninh Bình. UBND huyện H xác định diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Th, bà M với gia đình ông Q là loại đất thung đào do UBND xã Tr quản lý, không phải là đất

nông nghiệp giao cho gia đình ông Q theo Quyết định số 313/QĐ-UB ngày 06/4/1993 của UBND tỉnh Ninh Bình.

Tại Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 Toà án nhân dân huyện Hoa Lư quyết định, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M về việc buộc gia đình ông Giang Văn Q trả lại diện tích 39m² đất.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M về việc buộc anh Giang Thế M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Th, bà M với tổng số tiền là 2.643.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) trong đó gồm giá trị tường bao bị phá là 2.317.000 đồng; 02 cây táo là 126.000 đồng và 01 bùng sấn dây số tiền là 200.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho ông Dương Văn Th, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00697 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

- Buộc anh Giang Thế M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lỗi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm, ngày 13 tháng 8 năm 2018 ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M kháng cáo phần giải quyết tranh chấp đất đai của Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm nhận định, tuyên xử không khách quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tuyến đường 12C bị lỗi lõm (có hộ 11,5m, có hộ 15,5m). Không xem xét hành vi của ông Q lấn chiếm đất đai có vi phạm pháp luật không mà lại xử không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là không khách quan. Bản án nhận định phần đất tranh chấp là của UBND xã Tr quản lý, quyền lợi của UBND xã Tr đang bị xâm hại nhưng không đưa UBND xã Tr vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Lý do Bản án sơ nhận định phần đất tranh chấp là của UBND xã Tr quản lý. Trong GCNQSDĐ có ghi tên người sử dụng đất là hộ ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị M, theo sổ hộ khẩu ngoài ông Th, bà M còn có các con là Dương Thị Hải A, Dương Thị Ngọc A, Dương Văn Tr. Quyền lợi của UBND xã Tr đang bị xâm hại, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của các con

ông Th, bà M. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã Tr và các con ông Th, bà M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Bị đơn là ông Q và anh M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bác yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư.

- Ông Th, bà M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn, do đó có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông Th và bà M là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Th, bà M hợp lệ nên được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện ngày 05/10/2017 của ông Th, bà M là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm trong bản án đúng quy định tại các Điều 11, 12, 14, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Theo quy định của Luật đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan quản lý nhà nước đối với đất đai tại địa phương nói chung và có quyền quản lý đất chưa sử dụng tại địa phương, việc Tòa án giải quyết tranh chấp về đất đai và quyết định phân đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Th, bà M hay của gia đình ông Q hoặc không thuộc về bên nào đều không ảnh hưởng, không xâm hại, không làm mất quyền quản lý về đất đai của UBND xã Tr. Trong GCNQSDD số AC 596708 ngày 30/12/2008 đã ghi rõ tên người sử dụng đất là ông Th và bà M, hình thức sử dụng đất là sử dụng riêng của ông Th, bà M. Các con của ông Th, bà M không có liên quan gì đến diện tích đất được ghi trong

GCNQSĐĐ và phần đất có tranh chấp nằm ngoài diện tích đất được ghi trong GCNQSĐĐ; vì vậy, việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Th, bà M với gia đình ông Q không có liên quan gì đến quyền và nghĩa vụ của các con ông Th và bà M. Không có căn cứ để xác định bản án sơ thẩm “có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự” như lý do kháng cáo của nguyên đơn đã nêu ra.

[3] Xét về nội dung giải quyết tranh chấp:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 596708 ngày 30/12/2008 của UBND huyện H thì ông Th, bà M được quyền sử dụng diện tích 260m² đất, trong đó có 180m² đất ở và 80m² đất vườn, tại thửa 64 tờ PL 15 bản đồ xã Tr, địa chỉ tại thôn Đ, xã Tr huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Trên cơ sở Quy định về việc cắm mốc lộ giới giải tỏa giai đoạn I các tuyến đường bộ trong tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 774/QĐ-UB ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình và Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Th thì mốc giải tỏa giai đoạn I đối với tuyến đường 12C đo từ tim đường ra hai bên là 9,50m ($7,0\text{m}/2 + 2,0\text{m} + 4,0\text{m} = 9,50\text{m}$). Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định, phần đất gia đình ông Th đang sử dụng nằm ngoài phạm vi giải tỏa giai đoạn I (9,50m tính từ tim đường). Nếu tính mốc lộ giới là 9,50m thì thửa đất của ông Th, bà M có kích thước: Cạnh phía Nam giáp lưu không đường 12C rộng 10m; cạnh phía Bắc giáp phần đất tranh chấp rộng 9,2m; cạnh phía Tây tính từ tim đường đến phần đất tranh chấp dài 38,5m, trừ 9,50m mốc lộ giới, còn lại 29m; cạnh phía Đông tính từ tim đường đến phần đất tranh chấp dài 39,8m, trừ 9,50m mốc lộ giới, còn lại 30,3m. Còn nếu tính mốc lộ giới là 11,50m (tính theo hiện trạng ông Th đang sử dụng) thì thửa đất của ông Th, bà M có kích thước: Cạnh phía Nam giáp lưu không đường 12C rộng 10m; cạnh phía Bắc giáp phần đất tranh chấp rộng 9,2m; cạnh phía Tây tính từ tim đường đến phần đất tranh chấp dài 38,5m, trừ 11,50m mốc lộ giới, còn lại 27m; cạnh phía Đông tính từ tim đường đến phần đất tranh chấp dài 39,8m, trừ 11,50m mốc lộ giới, còn lại 28,3m.

Như vậy, phần đất ông Th, bà M hiện đang sử dụng có diện tích thừa so với diện tích đất được xử lý hợp pháp hóa năm 1987 và không thiếu so với diện tích đất được ghi trong GCNQSĐĐ số AC 596708 ngày 30/12/2008 do UBND huyện H đã cấp cho ông Th và bà M. Phần đất tranh chấp nằm ngoài diện tích được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện H và UBND xã Tr đều xác định diện tích đất tranh chấp giữa ông Th, bà M với gia đình ông Q là đất thung đào do UBND xã Tr quản lý. Gia đình ông Q cũng đã xác định đất tranh chấp là đất thung đào thuộc UBND xã Tr quản lý nên không tranh chấp với ông Th, bà M nữa.

[4] Từ các căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Th, bà M về việc buộc gia đình ông Q phải trả lại 39m² đất là hoàn toàn khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn Th, bà

Nguyễn Thị M là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Đối với hành vi lấn chiếm, sử dụng đất công của gia đình ông Q thuộc thẩm quyền xem xét, xử lý của chính quyền địa phương các cấp, không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị với Ủy ban nhân dân xã Tr, Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện quyền quản lý đất đai đối với phần đất tranh chấp theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M không được chấp nhận nhưng vì ông Th, bà M là người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100, 101, 166, 170, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 357, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư;

Xử:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M về việc buộc gia đình ông Giang Văn Q trả lại diện tích 39m² đất.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M về việc buộc anh Giang Thế M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Th, bà M với tổng số tiền là 2.643.000đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) trong đó gồm giá trị tường bao bị phá là 2.317.000 đồng; 02 cây táo là 126.000 đồng và 01 bùng sán dây là 200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho ông Dương Văn Th, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00697 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

- Buộc anh Giang Thế M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

2. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn Th, bà Nguyễn Thị M được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/12/2018).

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TNDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Hoa Lư;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Hoa Lư;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- TAND huyện Yên Mô;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

KT cạnh giáp đường 12C rộng 10, cạnh giáp đất lúa HTX rộng 9,4m, cạnh giáp thổ ông Yên rộng 27,5m, cạnh giáp thổ ông Đô dài 27,5m)

Anh Thắng, chị Yên cho rằng phần diện tích đất thừa là do anh lấn ra đất lưu không để làm nương và đất của chị Hương đổi cho bà Liễu và để cho anh chị sử dụng (việc đổi đất không có giấy tờ, không thông qua chính quyền), anh chị đã sử dụng phần đất này khoảng năm 1995; trong quá trình sử dụng anh có đổ đất tôn nền, đến năm 2002 anh đã xây tường bao và nhà cấp 4. Năm 2003, khi dồn điền đổi thửa đội chia ruộng không đo bên trong phần đất anh đã xây tường mà đo từ mép ngoài tường kéo ra ngoài để chia cho các hộ dân được giao đất nông nghiệp.

UBND xã Yên Phong và UBND huyện Yên Mô có ý kiến việc các bên đổi đất cho nhau không thông qua chính quyền địa phương, nên địa phương không biết. Năm 2003 khi dồn điền đổi thửa hộ anh Sơn và hộ chị Hương vẫn được chia đủ đất, đất được chia của hai hộ này không trùng với phần đất của ông Lai và anh Thắng đang có tranh chấp. Ngoài ra UBND xã Yên Phong còn xác nhận khi chia lại ruộng năm 2003 thì chỉ chia trên thực địa, không có biên bản ký nhận về việc giao mốc giới giữa các hộ liền kề.

Quan điểm của bà Liễu, giữa gia đình bà với anh Thắng, chị Hương không có việc đổi ruộng, phần đất phía sau đất ở của anh Thắng, ông Quang, hiện nay anh Thắng đã xây nhà và các công trình là anh Thắng đã hỏi mượn bà Liễu để trồng rau, nuôi gà. Bà Liễu đồng ý, anh Thắng đã xây tường bao, nhà cấp 4, nhà hai tầng. Sau đó, anh Thắng tiếp tục mượn bà Liễu phần đất phía sau nhà ông Ký, ông Quang và sử dụng cho đến nay.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 75:

- (1) và (5) Ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố nào (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại năm 2017 có số 10 thì ghi: Số 10/2017/KDTM-PT).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.
- (7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
- (9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
- (10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.
- (11) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Trường hợp nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
- (12) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "được ủy quyền theo văn bản ủy

quyền ngày... tháng... năm...". Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ tên, chức vụ của người đó.

(13) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(14) và (17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (11).

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(20) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(21) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(24) Ghi người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam).

(25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(26) Trong phần này, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, kháng nghị, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án viện dẫn, áp dụng; nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng (nếu có). Trường hợp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án. Ghi rõ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi

cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

